

Số: 48/QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn học và công nhận điểm các học phần ngoại ngữ
đối với 38 sinh viên đã dự thi các kì thi ngoại ngữ (Tháng 02.2020)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Căn cứ Nghị định số 186/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-ĐHNN, ngày 09/3/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ;

Căn cứ Hướng dẫn 297 /HD -ĐHQGHN ngày 03/02/2107 về việc tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ tại ĐHQGHN;

Căn cứ Thông báo số 1633/TB-ĐHNN ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc nộp chứng chỉ ngoại ngữ 2 năm 2020 để phủ điểm và xác định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ 2;

Xét đơn xin miễn học các học phần ngoại ngữ của sinh viên, kèm theo các chứng chỉ, giấy báo kết quả các kì thi ngoại ngữ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận kết quả của các kì thi ngoại ngữ cho 38 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Các sinh viên trên được miễn học và ghi điểm tối đa cho học phần ngoại ngữ tương ứng với kết quả đạt được và các học phần ở trình độ thấp hơn chưa tích lũy.

Điều 3: Trường phòng Hành chính Tổng hợp, Trường các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị đào tạo (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, ĐT, Vh15.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

DANH SÁCH HẠU KIỂM CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ 2 QUỐC TẾ ĐỢT 1 NĂM 2020 (THÁNG 2- 2020)

Phụ lục Kèm Quyết định số: ngày tháng năm 2020

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSSV	Khóa	CTĐT	Khoa	CC	Tiếng	Ngày cấp	TĐ đạt được	TĐ cần đạt	Điểm	Ngày thi	Đã tích lũy	Học phần được phủ							
															CTĐT Chuẩn (trước QH.2019) QH.2018 CLC TT23				QH.2019 CLC			
															CS1	CS2	CS3	CS4	CDR	CLC1	CLC2	CDR
1	Đỗ Quỳnh Anh	28/09/1999	17041067	QH2017	Chuẩn	Đức	TOEIC	Anh	11/08/2018	Bậc 5	Bậc 3	785	26/07/2018	CS1		x	x		x			
2	Phạm Ngọc Hân	27/06/1997	15040121	QH2015	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	20/01/2020	Bậc 6	Bậc 3	910	13/01/2020	CS3	x	x			x			
3	Trần Thị Vân Anh	25/07/1997	15040149	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	12/02/2020	Bậc 6	Bậc 3	975	05/02/2020	CS1		x	x		x			
4	Phạm Ngọc Anh	05/03/1997	15040809	QH2015	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	25/09/2018	Bậc 4	Bậc 3	670	20/09/2018	Chưa	x	x	x		x			
5	Nguyễn Thị Minh Tươi	30/04/1997	15041623	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	17/01/2020	Bậc 4	Bậc 3	680	10/01/2020	Chưa	x	x	x		x			
6	Hồ Hoàng Linh	15/02/1997	15041863	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	07/02/2020	Bậc 5	Bậc 3	845	31/01/2020	Chưa	x	x	x		x			
7	Vũ Thị Thu Thảo	19/07/1997	15042468	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	09/01/2020	Bậc 5	Bậc 3	810	02/01/2020	CS2	x		x		x			
8	Nguyễn Thuỳ Linh	01/11/1990	15043841	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	22/01/2020	Bậc 4	Bậc 3	700	22/01/2020	CS1, CS2			x		x			
9	Đoàn Hoàng Thu Hằng	01/10/1997	15043885	QH2015	Chuẩn	Hàn Quốc	HANU	Anh	30/09/2019	Bậc 4/B2	Bậc 3	B2	22/09/2019	Chưa	x	x	x		x			
10	Nguyễn Thị Thương Huyền	25/11/1997	15043916	QH.2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	22/01/2020	Bậc 4	Bậc 3	635	22/01/2020	CS3	x	x			x			
11	Lê Thị Quyên	06/02/1997	15044112	QH.2015	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	31/01/2020	Bậc 4	Bậc 3	605	31/01/2020	CS3 + CDR	x	x						
12	Nguyễn Như Quỳnh	29/08/1997	15044424	QH2015	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	31/01/2020	Bậc 4	Bậc 3	680	31/01/2020	CS1		x	x		x			
13	Đỗ Thu Trang	25/06/1997	15044536	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	31/01/2020	Bậc 5	Bậc 3	845	31/01/2020	CS3 + CDR	x	x						
14	Vũ Thị Hà Minh	16/02/1997	15044684	QH2015	Chuẩn	Hàn Quốc	HANU	Anh	30/09/2019	Bậc 4/B2	Bậc 3	B2	22/09/2019	CS3 + CDR	x	x						
15	Mạc Thu Hương	08/10/1998	16041797	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	15/01/2020	Bậc 5	Bậc 3	840	15/01/2020	CS1		x	x		x			
16	Đỗ Thị Bích Huyền	31/10/1998	16041802	QH2017	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	14/04/2018	Bậc 6	Bậc 3	945	14/04/2018	Chưa	x	x	x		x			
17	Hà Phương Nam	04/08/1998	16041833	QH2016	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	15/01/2020	Bậc 3	Bậc 3	540	15/01/2020	CS1		x	x		x			
18	Đỗ Thị Thuý	27/11/1999	17041303	QH2017	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	16/01/2020	Bậc 4	Bậc 3	755	16/01/2020	CS1, CS2			x		x			
19	Đinh Thuý Quỳnh	04/04/1999	17041352	QH2017	Chuẩn	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	04/02/2020	Bậc 4	Bậc 3	710	16/01/2020	CS1		x	x		x			
20	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10/08/2000	18041383	QH2018	CLC TT23	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	20/01/2020	Bậc 5	Bậc 5	790	20/01/2020	CS1, CS2, CS3				x	x			
21	Nguyễn Phương Linh	22/01/2001	19041739	QH2019	CLC TT23	Hàn Quốc	TOEIC	Anh	17/01/2020	Bậc 5	Bậc 5	830	17/01/2020	CLC1							x	x
22	Nguyễn Thị Hiền	30/11/1997	15040238	QH2016	Chuẩn	Nhật Bản	TOEIC	Anh	07/02/2020	Bậc 4	Bậc 3	745	31/01/2020	CS1		x	x		x			
23	Đoàn Nhật Hà	25/08/1997	15041350	QH2015	Chuẩn	Nhật Bản	TOEIC	Anh	17/01/2020	Bậc 5	Bậc 3	865	06/01/2020	Chưa	x	x	x		x			
24	Đoàn Thị Trà	28/03/1997	15041793	QH2016	Chuẩn	Nhật Bản	TOEIC	Anh	10/02/2020	Bậc 6	Bậc 3	900	03/02/2020	Chưa	x	x	x		x			
25	Phạm Hồng Linh	16/01/1997	15044172	QH2015	Chuẩn	Nhật Bản	TOEIC	Anh	10/02/2020	Bậc 5	Bậc 3	850	03/02/2020	CS1		x	x		x			

(*)
HỌ TÊN
ĐƠN VỊ

Ch

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSSV	Khóa	CTĐT	Khoa	CC	Tiếng	Ngày cấp	TĐ đạt được	TĐ cần đạt	Điểm	Ngày thi	Đã tích lũy	Học phần được phủ							
															CTĐT Chuẩn (trước QH.2019) QH.2018 CLC TT23					QH.2019 CLC		
															CS1	CS2	CS3	CS4	CĐR	CLC1	CLC2	CĐR
26	Phạm Quỳnh Anh	06/01/1998	16041634	QH2017	Chuẩn	Nhật Bản	TOEIC	Anh	25/03/2018	Bậc 4	Bậc 3	625	25/03/2018	Hàn: CS2	x	x	x		x			
27	Hoàng Thanh Xuân	18/04/1998	16041736	QH2018	Chuẩn	Nhật Bản	TOEIC	Anh	04/11/2019	Bậc 5	Bậc 3	800	04/11/2019	Chưa	x	x	x		x			
28	Nguyễn Thị Oanh	23/09/1997	17040309	QH2017	Chuẩn	Nhật Bản	TOEIC	Anh	16/01/2020	Bậc 4	Bậc 3	710	16/01/2020	Chưa	x	x	x		x			
29	Đặng Minh Dương	28/10/2000	18041562	QH2018	Chuẩn	Nhật Bản	IELTS	Anh	26/06/2019	Bậc 5	Bậc 3	7.5	22/06/2019	Chưa	x	x	x		x			
30	Bùi Thị Phương Ngọc	11/08/2001	19040020	QH2019	CLCTT23	Nhật Bản	IELTS	Anh	24/12/2019	Bậc 5	Bậc 5	7.5	14/12/2019	CLC1							x	x
31	Đoàn Mai Anh	12/07/1998	16040843	QH2016	Chuẩn	Pháp	HSK5 + HSK K	Trung	23/04/2019	Bậc 5	Bậc 3	272	23/03/2019	Anh CS1	x	x	x		x			
32	Nguyễn Thị Thủy Tiên	26/09/1998	16040975	QH2016	Chuẩn	Pháp	HSK5 + HSK K	Trung	10/12/2018	Bậc 5	Bậc 3	252	10/11/2018	Anh: CS1	x	x	x		x			
33	Phùng Thị Yến	30/11/1996	15040291	QH2015	Chuẩn	SPTA	HSK3	Trung	14/01/2020	Bậc 3	Bậc 3	215	16/11/2019	CS2, CS3	x				x			
34	Nguyễn Thanh An	08/08/1997	15041186	QH2015	Chuẩn	SPTA	HSK3	Trung	17/01/2020	Bậc 3	Bậc 3	272	16/11/2019	CS1		x	x		x			
35	Ta Thị Ngọc Thủy	30/07/1997	15041681	QH.2015	Chuẩn	SPTA	JLPT	Nhật	23/08/2019	Bậc 3	Bậc 3	95/180	07/07/2019	CS1		x	x		x			
36	Vũ Thị Cúc	06/08/1998	16040061	QH2016	Chuẩn	SPTA	HSK3 + HSK K	Trung	13/10/2019	Bậc 3	Bậc 3	245	13/10/2019	Pháp: CS2,CS3	x	x	x		x			
37	Cù Minh Hà	07/09/1998	16040110	QH2016	Chuẩn	SPTA	HSK5 + HSK K	Trung	13/10/2019	Bậc 5	Bậc 3	234	13/10/2019	Chưa	x	x	x		x			
38	Lê Đức Huy	20/05/1998	16040184	QH2016	Chuẩn	SPTA	JLPT	Nhật	23/08/2019	Bậc 3	Bậc 3	125	07/07/2019	CS2	x		x		x			

Danh sách có 38 sinh viên

Người lập bảng: Nguyễn Việt Hòa

Người kiểm tra: Nguyễn Thu Trang

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thủy Lan

